

Hồ Biểu Chánh (1885-1958)

nhà văn tiên phong xây dựng nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam

Thụy Khuê

Cho đến gần đây, phần đông giới làm văn học vẫn còn cho *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách là cuốn tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam. Sai lầm này phát xuất từ những nhà nghiên cứu văn học thời trước, phần lớn gốc Bắc, từ Dương Quảng Hàm, đến Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh... khi nghiên cứu văn học thế kỷ XX, đã quá nghiêng về miền Bắc, mà không chú trọng đến miền Nam, nơi khởi thủy của nền văn học quốc ngữ.

Ngày nay, nhiều công trình nghiên cứu, đặc biệt của Nguyễn Văn Trung trong *Lục châu học*, bản đánh máy, lưu hành từ năm 1988, đã đặt lại vai trò chủ yếu của vùng Lục Châu, tức Nam Kỳ Lục Tỉnh trong sự khai phá và phát triển nền văn học quốc ngữ:

Miền Nam là nơi phát xuất những cuốn từ điển đầu tiên của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của; miền Nam là nơi phát xuất tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, viết năm 1887; miền Nam cũng là nơi mà những tờ báo quốc ngữ đầu tiên ra đời, như *Gia Định Báo*, 1882; *Nam Kỳ Nhật Trình*, 1897; *Nông Cổ Mìn Đàm*, 1901; *Lục Tỉnh Tân Văn*, 1907.

Và hôm nay, chúng tôi muốn chứng minh rằng cũng tại miền Nam, đã xuất hiện tiểu thuyết gia hiện đại đầu tiên của văn học Việt Nam: *nhà văn Hồ Biểu Chánh*.

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, sinh năm 1885 tại Gò Công và mất năm 1958 tại Sài Gòn. Trong hơn nửa thế kỷ sáng tác, ông đã để lại 64 cuốn tiểu thuyết, 23 cuốn sách nghiên cứu văn học, 13 tuồng hát, 7 đoản thiên, 3 truyện ngắn, 2 truyện dịch, 2 tác phẩm văn vần, 5 tập tùy bút phê bình, 6 ký ức và 8 bài diễn văn. Một di sản văn hóa đồ sộ như thế mà cho đến nay, dường như chưa có một công trình nghiên cứu nào thực sự đi sâu vào *toàn bộ di sản* mà văn hào để lại và chính văn chương của Hồ Biểu Chánh cũng còn xa lạ với số đông người đọc trong nước, nhất là độc giả miền Bắc.

Để giới thiệu tác giả, không gì bằng chính lời tác giả. Trong tập ký ức, viết ngày 24/12/1957, tại Phú Nhuận, bản đánh máy, nhan đề « *Đời của tôi về văn nghệ* », Hồ Biểu Chánh đã viết về «lúc thiếu niên» của mình như sau:

« *Sanh ngày 1 tháng 10 dương lịch năm 1885 tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, trong một gia đình nghèo, nhưng nội tổ hồi trước đứng lập làng nên có bản vị Tiên hiền thờ trong đình Thần và thân phụ được tham dự trong ban Hội Tề Hương Chánh, lân lân tới chức Hương Chủ và Chánh Bái.*

Từ 8 đến 12 tuổi, học nháp nhem chữ Nho với thầy giáo dạy trong làng. Đến 13 tuổi, nhờ cha mẹ dời về ở chợ Giồng Ông Huệ, mới bắt đầu học Quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi, rồi xuống trường tỉnh Gò Công học tiếp 3 năm thi đậu học bổng. Được vào trường trung học Mỹ Tho học 2 năm (1902 và 1903) rồi được lên trường trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn học thêm 2 năm nữa. Cuối năm 1905 thi đậu bằng Thành Chung gọi là *Diplome de fin d'Etudes*».

Vẫn giọng văn ấy, Hồ Biểu Chánh kể tiếp về cuộc đời công chức, quan trường của mình: cuối năm 1921, thi đậu Tri huyện. 1927 thăng Tri phủ. 1936 làm Đốc Phủ sứ. 1941 làm Nghị viên thành phố Sài Gòn. Năm 1946 làm cố vấn cho bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh lập chính phủ Nam Kỳ tự trị ... Tất cả mọi việc xảy ra qua giọng tự thuật thung dung và bình thản, về đời quan cũng như đời văn. Nhưng đáng chú ý nhất là đoạn nói đến động cơ thúc đẩy ông bước vào nghiệp cầm bút:

«Năm 1906 ra khỏi nhà trường, nhận thấy các ấn quán ở Sài Gòn muốn người dịch truyện Tàu và thơ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ đăng in mà bán. Từ thành thị ra thôn quê, nhơn dân đua nhau mà đọc. Có vài tờ tuần báo cũng được người ta chú ý.

Thâm nghĩ, người mình mà biết chuyện bên Tàu không bỏ ích cho bằng biết truyện trong nước mình. Tính viết chuyện văn vắn cho đăng vào mấy tờ tuần báo để đồng bào đọc thử. Viết khó khăn hết sức, vì thiếu nho học nên không tìm ra lời mà tả trí ý cho người ta thông cảm được. Phải học chữ Nho. Trót ba năm, nhờ vài ông bạn lớn tuổi ban đêm làm ơn dạy giùm cho đọc được sách Tàu.

Năm 1910, lựa những chuyện hay trong *Tình Sử* và *Kim Cổ Kỳ Quan* dịch ra Quốc văn nhan đề «*Tân soạn cổ tích*» đăng tập viết cho suông. Cũng viết theo thể văn «*Thượng lục hạ bát*» thành một chuyện dài nhan đề «*U tình lục*», chuyện tình của người trong nước mình. Hai quyển này được mấy bạn hùn tiền in thử thì không ai chê.

Lúc đó cụ Trần Chánh Chiếu cho xuất bản quyển «*Hoàng Tố Oanh hàm oan*» là tiểu thuyết đầu tiên trong *Lục tỉnh*, truyện tình tả nhơn vật trong xứ và viết theo điệu văn xuôi. Đọc quyển này, cảm thấy viết truyện dùng văn xuôi dễ cảm hoá người đọc hơn, bởi vậy năm 1912, đổi xuống làm việc tại Cà Mau mới viết thử quyển «*Ai làm được*» là quyển thứ nhứt viết văn xuôi tại Cà Mau với nhơn vật cũng ở Cà Mau».

Như vậy, Hồ Biểu Chánh đã tập viết văn từ năm 1906, bước vào nghiệp văn từ năm 1910, và động cơ chính thúc đẩy ông viết là vì ông muốn cho «*người mình đọc chuyện xảy ra ở nước mình bằng chữ nước mình*» và chọn văn xuôi vì thấy «*văn xuôi dễ cảm hoá người đọc hơn văn vần*». Cho nên, hai yếu tố dân tộc và bình dân là những yếu tố cơ bản xây dựng nên tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Và cũng chính với hai yếu tố này, ông đã «*đánh đổ*» được lối viết tiểu thuyết chương hồi theo lối Tàu đang thịnh hành và ông đã «*đánh bại*» được lối văn biên ngẫu, réo rắt, vế đối vế, vần đối vần, trong những truyện quốc ngữ thời ấy.

Để thấy rõ cái mới trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, chỉ cần so sánh văn phong của ông với văn phong những người cùng thời :

Nguyễn Chánh Sắt, trong tiểu thuyết *Nghiã hiệp kỳ duyên*, tức *Chăng Cà Mun*, in năm 1919, viết :

«Lần hồi ngày lun tháng qua, bóng thiêu quang đưa rất lạ; thoắt chút mà Phi Đáng đã 18 tuổi đầu, hình dung yếu điệu, cốt cách phương phi, bá mị thiên kiều, ngư trầm lạc nhạn. Mà ba mươi đời cái kiếp hồng nhan bạc mạng là lẽ tự nhiên ». (trích *Nghiã hiệp kỳ duyên*, Long An tái bản, trang 10).

Hoàng Ngọc Phách, trong tiểu thuyết *Tố Tâm*, viết 1922, in 1925, viết :

« Thôi, hôm nay là ngày từ biệt của ngòi bút chung tình này, từ đây sẽ vắng tanh tin nhạn, bao nhiêu chuyện tình xưa nghiã cũ, sẽ theo mây bay gió thổi mà mơ màng như giấc chiêm bao. Những khi canh tà giăng xế, khi mưa sa trước cửa, khi gió thổi bên màn, khi em soi gương thấy bóng... » (*Tố Tâm*, Đại Nam in lại ở Mỹ, trang 79).

Nhất Linh, trong tiểu thuyết *Nho Phong*, in 1926, cũng không thoát được lối văn cổ: “Lê Nương năm ấy tuổi mới trăng tròn” hoặc “Nhưng bóng hoa thấp thoáng, dáng liễu thanh tân, làm cho chàng cũng phải nhiều phen man mác trong lòng” (trích theo Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, Đại Nam in lại, trang 900).

Tân Dân Tử, trong tiểu thuyết *Gia Long Tầu Quốc*, in năm 1929, viết :

« Đức Nguyễn Ánh lạc bước phong trần.

Nơi Phật tự gặp người phò tá.

Đất Việt Ba Kỳ, trời Nam một góc, tang thương mấy độ, cuộc hưng vong dường thế chiêm bao; sự tích ngày xưa, gương trị loạn còn ghi lịch sử» (*Gia Long tầu quốc*, Bảo Tồn tái bản lần thứ 6, năm 1950, trang 1).

Văn tiểu thuyết đầu thế kỷ XX của chúng ta phần đông là như thế, trừ một vài trường hợp như Phạm Duy Tốn trong *Sông chết mặc bay* (1918) và Nguyễn Trọng Thuật trong *Quả dưa đỏ* (1925, tiểu thuyết phóng tác theo truyện An Tiêm trong *Lĩnh Nam trích quái*), tương đối thoát khỏi lối viết biên ngẫu, huê dạng, kể trên. Nhưng về truyện ngắn thì Trương Vĩnh Ký đã đi trước Phạm Duy Tốn; và Nguyễn Trọng Thuật viết truyện thần kỳ, chưa phải là tiểu thuyết hiện đại theo đúng nghĩa hư cấu của nó.

Tóm lại, trong bối cảnh văn tiểu thuyết từ Bắc xuống Nam đều viết một giọng như thế, thì Hồ Biểu Chánh viết như thế nào?

Trong *Ai làm được*, tác phẩm đầu tiên viết năm 1912 (in năm 1922 tại Sài Gòn), Hồ Biểu Chánh viết:

« Khiếu Nhàn bước vào kéo ghế mà ngồi, ngó quanh quất không thấy khách ăn uống, duy có một người trai trạc chừng mười bảy, mười tám tuổi, đương ngồi tại bàn gần cửa mà viết. Ông thấy người miệng rộng, môi dày, vai ngang, trán trợt, tóc hớt cụt, mắt rạng ngời, tư cách nghiêm trang, mặt mày sáng rõ, tuy y phục tầm thường mà hình dung không phải như người thường, bởi vậy ông cứ ngồi ngó hoài». (trích *Ai làm được*, nxb Tổng hợp Tiền Giang, tái bản 1988, trang 3).

Và trong «*Cay đắng mùi đời*» cảm tác từ cốt truyện *Sans Famille* (Vô gia đình) của Hector Malot, in tại Sài Gòn năm 1923, Hồ Biểu Chánh vào truyện như sau :

«*Ai đi đường Chợ Lớn xuống Gò Công, hễ qua đò Bao Ngược rồi lên xe chạy ra khỏi chợ Mỹ Lợi, tới khúc quanh, thì sẽ thấy bên phía tay trái, cách lộ chừng ít trăm thước, có một xóm đông, kêu là Xóm Tre, nhà ở chật, cái trở cửa lên, cái dầy cửa xuống, tre xanh kịt bao trùm kín mít, ngoài vuông tre thì ruộng bằng trang sấp liền từ giây. Qua mùa mưa cây đượm màu, ruộng nổi nước, thì trông ra chẳng khác nào cù lao nằm giữa sông lớn (...)*

Dưới sông Bao Ngược ghe chài chở lúa trương buồm rồi thả trôi theo dòng nước, chiếc nào chở cũng khảm lừ. Trên lộ Cây Dương xe ngựa đưa người núc ních chạy chậm xì, tiếng lục lạc nhỏ khua xa xa nghe như tiếng nhái.» (Trích *Cay đắng mùi đời*, nxb Văn nghệ TP HCM 1997, trang 5-6).

Chẳng cần biết gì về khái niệm *hiện đại*, chỉ cần đọc những dòng văn của Hồ Biểu Chánh, và đem so sánh với văn phong của những người cùng thời, trên đây, là cũng thấy ngay cái mới, cái táo bạo của ông lúc bấy giờ. Và lại càng hiểu rõ tại sao những truyện của Nguyễn Chánh Sắt, Hoàng Ngọc Phách, Tân Dân Tử... dù là những tác phẩm hay, đã từng nổi tiếng một thời, nhưng ngày nay đọc lại, chúng ta thấy chúng đã cũ đi nhiều, trong khi truyện của Hồ Biểu Chánh, không một vết nhăn. Bởi những tác phẩm của ông có *tính hiện đại* : nghĩa là không bị lỗi thời, vì nó gắn bó với cả hai yếu tố *lịch đại* (synchronique) và *đồng đại* (diachronique). Nói cách khác, nó có khả năng « vượt thời gian », đọc lúc nào cũng được, vì vừa mang tính chất của thời đại mà nó ra đời, vừa theo kịp các thời sau mà không bị sa thải.

Sở dĩ như vậy vì Hồ Biểu Chánh đi sát với *tiếng nói* hơn là *văn viết*, và khi cần viết văn, ông viết giản dị mà không « làm văn ». Vì thế, văn ông không phụ thuộc vào cái *style*, vào cái bút pháp thời thượng lúc bấy giờ mà sự rėjo rất, đối ngẫu, lãng mạn, đang độ cao trào.

So sánh như thế chúng ta mới hiểu thái độ của những người như Thiếu Sơn, Trúc Hà, Đông Hồ, đã « loại » Hồ Biểu Chánh ra khỏi thế giới « văn chương » của những người đương thời. Vì họ cho rằng Hồ Biểu Chánh « không có văn ». Đông Hồ

ghi lại: «*Đọc thì cũng đọc, thích thì cũng thích, duy chúng tôi cứ không chịu được lời văn viết trơn tru thẳng tuột hơi hợt của ông*» tuy ngay sau đó Đông Hồ cũng nhận là «*quan niệm của tôi sai lầm và cảm quan của tôi lệch lạc*». Biết vậy, nhưng ông không sửa được cái «cảm quan» của mình, cái cảm quan của những nhà *văn ngôn* không ưa lối văn *bach thoai*, như ông tự lấy mình và Hồ Biểu Chánh làm ví dụ.

Và sau cùng là nhận định sai lầm của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan khi ông đánh đồng tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh với Tố Tâm và Nho Phong: «*Quyển Nho Phong của Nguyễn Tường Tam chỉ đáng kể là một truyện bằng chứng cho lối tiểu thuyết nước ta trong thời kỳ phôi thai như quyển Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách hay những tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh*» (*Nhà văn hiện đại*, trang 901).

Sau này, nhà nghiên cứu Huỳnh Lý, với tấm lòng của ông đối với Hồ Biểu Chánh và văn chương Nam Bộ, đã có lời khen: «*Truyện Tiền bạc tiền của ông có thể xếp ngang với những tác phẩm có giá trị nhất của chủ nghĩa hiện thực sau này*». Đúng là một lời khen ngược: Không ai khen ông tổ khai sáng một ngành đã làm được như con cháu sau này!

Những phát ngôn ấy vô tình hay hữu ý, đã đồng tình hạ thấp giá trị những đóng góp văn học của miền Lục Châu nói chung và của Hồ Biểu Chánh nói riêng, do thành kiến, do sự thiếu cập nhật kiến thức văn học hoặc vì những lý do khác.

Nhưng không phải tất cả mọi người đều sai lầm, Hồ Hữu Tường, ngược lại, mê văn Hồ Biểu Chánh, ông nhận rằng Hồ Biểu Chánh đã cho ông «*nhập mộng rồi tỉnh mộng*».

Tại sao như thế? Tại vì Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên đã đưa yếu tố *fiction*, tức là yếu tố *hư cấu*, vào văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, một cách toàn diện và thành công.

Trước Hồ Biểu Chánh, tiểu thuyết của chúng ta thường viết truyện theo lối Tàu: nghĩa là viết truyện lịch sử, hoặc viết lại những tích lấy trong lịch sử, thần thoại, hoặc dựa theo một chuyện đã có thật, rồi thêm thắt chút ít chi tiết vào.

Nguyễn Trọng Quản được coi là người sớm nhất, đã đem tiểu thuyết viết theo lối Tây phương vào Việt Nam, năm 1887, với truyện *Thầy Lazaro Phiền*. Nhưng truyện của Nguyễn Trọng Quản, cũng như truyện *Tố Tâm* (1922) sau này của Hoàng Ngọc Phách, vẫn còn viết theo lối ký thác, tức là tác giả thuật một truyện ở ngôi thứ nhất, truyện của mình hay truyện do người khác kể lại, chứ không phải *tác giả hư cấu, tác giả tưởng tượng* ra.

Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên đã *xây dựng nên toàn bộ hệ thống tiểu thuyết hư cấu, hiện thực* trong tiếng Việt. Ông đã tạo ra một *thế giới nhân vật tưởng tượng* y như thật, trong đời sống, khiến Hồ Hữu Tường, thừa trẻ, khi đọc truyện của Hồ Biểu

Chánh, đã nhập vào thế giới hư cấu ấy, mà ông gọi là «nhập mộng» và khi đọc xong, ông « tỉnh mộng », bởi vì ông ra khỏi thế giới hư cấu của tiểu thuyết. Và ông viết về cuốn *Tỉnh mộng* của Hồ Biểu Chánh như sau:

«... Như vậy thì không thể nào ở trong cảnh thực mà có, chỉ ở trong mộng mà thôi. Nhưng tác giả viết rất tự nhiên, nên đọc tiểu thuyết, tôi sống mãi ở trong một cảnh mộng. Đến chừng xem đâu đề tiểu thuyết, tôi thấy đâu đề đó là Tỉnh mộng. Tới chừng đó tôi hay rằng câu chuyện mà Hồ Biểu Chánh đã thuật lại, đã tạo cho tôi một cảnh mộng. Tôi ở trong cảnh mộng. Rồi bây giờ tôi thấy nó là tiểu thuyết. Đây tôi mới là người tỉnh mộng. Chớ tôi không hiểu những nhân vật tỉnh mộng đó là ai nữa.

*Từ ấy, tôi mới có một quan niệm rõ rệt về tiểu thuyết. Té ra một tiểu thuyết hay là một tiểu thuyết tạo cho độc giả một cảnh mộng mà độc giả say mê đi vào cảnh mộng ấy, như vào cảnh thật vậy. Đến chừng đọc xong rồi, thì xếp sách nhìn lại nhan đề, mới hay là mình đã mộng. Như vậy, tôi có thể nói rằng vị giáo sư đầu tiên dạy cho tôi văn chương, dạy bản sắc của văn chương, dạy lý thuyết về văn chương, ấy là Hồ Biểu Chánh. Một tiểu thuyết, với nhan đề của nó, làm cho tôi hiểu rõ định nghĩa của tiểu thuyết là gì? Những tiếng của Pháp như là Roman, của Anh Novel, Tàu là tiểu thuyết, đều không làm sao giúp tôi hiểu định nghĩa rõ rệt của loại mà trong văn chương gọi là tiểu thuyết cả » ((trích bài *Nhập mộng và tỉnh mộng* của Hồ Hữu Tường, Văn số 80, tưởng niệm Hồ Biểu Chánh, ra ngày 15/4/1967, trang 34).*

Không chỉ có Hồ Hữu Tường mà Dương Nghiễm Mậu, cũng đã nhìn thấy ở Hồ Biểu Chánh một bậc thầy khai phá, mở cửa cho ông vào thế giới tiểu thuyết, vào miền Nam, quê hương thứ hai của ông, Dương Nghiễm Mậu viết:

« Tôi đã đọc tiểu thuyết của ông cách đây mười mấy năm trời, khi còn theo học những lớp đầu tiên bậc trung học ở Hà Nội (...) Rồi trong nhiều hoàn cảnh khác, tôi lần lượt đọc những tiểu thuyết của ông. Sau này, có một thời gian tôi đã dành thì giờ để đọc lại những gì đã đọc, đọc những gì chưa đọc với mục đích tìm hiểu, những khởi đầu của nền văn học ta, tìm hiểu những đặc tính miền Nam, quê hương thứ hai tôi yêu dấu. Quê hương miền Nam, con người, văn chương mở ra cho tôi những bàng hoàng không ít. Cuộc sống nơi những vùng sinh lầy hoang vu, trong kinh rạch quyến rũ tôi, tôi không bỏ một cơ hội nào để tới những nơi đó. (...)

Cũng vì thế bài viết (này) như một nhớ ơn, nhớ ơn những người đã để lại cho chúng ta những di sản lớn...» (trích bài *Từ đó đến nay* của Dương Nghiễm Mậu, Văn số 80, trang 57).

Những lời trên đây của hai nhà văn Hồ Hữu Tường và Dương Nghiễm Mậu đã xoá được gần một thế kỷ thành kiến và đánh giá sai lầm về Hồ Biểu Chánh, nhà văn tiên phong đã đưa văn học Việt Nam vào thế giới hư cấu của tiểu thuyết hiện đại.

Hồ Biểu Chánh còn đứng tiên phong như một tiểu thuyết gia nhà nghề. Chữ nhà nghề dùng ở đây không có nghĩa là viết văn để kiếm tiền sinh sống, mà ông đã coi viết văn như một chuyên môn. Ông bước vào nghiệp văn năm 1906 cùng lúc với nghề công chức, như một phương tiện sinh sống và ông đã ở với văn chương đến hơi thở cuối cùng.

Hồ Văn Kỳ Trân, người con trưởng của ông kể lại :

« Bệnh đã càng ngày càng thêm mà ba tôi không chịu nghỉ viết. Thầy thuốc cấm. Ba tôi vẫn viết. Con cháu năn nỉ lắm thì ba tôi chỉ nghỉ vài ngày rồi viết nữa và bảo rằng :« Ba còn viết được thì cứ để cho ba viết. Ba không viết được thì lòng thấy bút rớt, người thấy khó chịu hơn. Có viết được lòng mới thấy yên ổn, người mới thấy thư thả dễ chịu. Viết là một phương thuốc, là một cách trị bệnh cho ba đó» (...)

Cách đó ít bữa thì ba tôi từ trần. Trên bàn viết còn để lại bản thảo một tác phẩm viết dở»

Đọc những lời trên đây, chúng ta không khỏi ngậm ngùi và kính trọng. Bởi vì trước Hồ Biểu Chánh, chúng ta chỉ có những nhà nho tài tử. Truyền thống văn học của chúng ta là tài tử. Từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đến Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu... nhà văn nhà thơ ở nước ta chưa mấy ai coi văn chương, hơn là một nghề, mà còn là mạch sống, là phương thuốc trị bệnh của con người như Hồ Biểu Chánh.

© Copyright Thụy Khuê 2008

<http://thuykhue.free.fr/mucluc/hobieuchanh.html>